



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng Xét nghiệm Vi sinh bệnh phẩm**
Trung tâm Xét nghiệm Y sinh học lâm sàng và Dịch vụ khoa học kỹ thuật

Medical Laboratory: **Laboratory of Medical Microbiology**
Center for Biomedical Analysis Laboratories and Scientific Technical Service

Cơ quan chủ quản: **Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**

Organization: **Pasteur Institute in Ho Chi Minh City**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Field of medical testing: **Microbiology**

Người phụ trách/ **ThS. Vũ Lê Ngọc Lan**

Representative: **Vu Le Ngoc Lan, M.Sc**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 011**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày /5/2025 đến ngày /5/2030

Địa chỉ/ Address: **Số 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP Hồ Chí Minh**
No.167 Pasteur, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

Địa điểm/ Location: **Số 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP Hồ Chí Minh**
No.167 Pasteur, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **0968232281**

Email: **lanvln@pasteurhcm.edu.vn**

Website: **www.pasteurhcm.gov.vn/**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 011

Lĩnh vực xét nghiệm:

Discipline of medical testing:

Vi sinh

Microbiology

ST T No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Nước tiểu <i>Urine</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/01 (VSBP) (2023)
2.	Phân, phết trực tràng <i>Feces, rectal swab</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/02 (VSBP) (2023)
3.	Dịch niệu đạo, âm đạo, tổn thương sinh dục, phết cổ tử cung <i>Urethra, vagina, genital lesion, cervical swab</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/03 (VSBP) (2023)
4.	Mẫu mủ, tiết dịch <i>Abscess and exudate</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/04 (VSBP) (2023)
5.	Dịch tai, mắt, mũi, xoang <i>Ears, eyes, nose, sinus swab</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh trên và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/05 (VSBP) (2023)
6.	Phết hầu, họng <i>Pharynx swab</i>	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/06 (VSBP) (2023)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 011

ST T No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
7.	Đàm Sputum	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/07 (VSBP) (2023)
8.	Dịch não tủy Cerebrospinal fluid	Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ <i>Isolation, identification of pathogenic bacteria and antimicrobial susceptibility testing</i>	Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ bằng khoanh giấy khuếch tán <i>Culture, identification and antibiotic by disk diffusion susceptibility testing</i>	SHLS/QTXXN/08 (VSBP) (2023)

Ghi chú/ Note:

- SHLS/QTXXN ...: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Phòng xét nghiệm Vi sinh bệnh phẩm – Trung tâm xét nghiệm Y sinh học lâm sàng và dịch vụ khoa học kỹ thuật cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory of Medical Microbiology - Center for Biomedical Analysis Laboratories and Scientific Technical Service that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

